

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/4/2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Trường

2. Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 782/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐ-HPT ngày 22 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **NGUYỄN THỊ KIM L**, sinh năm: 1977.

Hộ khẩu thường trú: 8/2B đường T, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: 250/1 đường L, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Ông **NGUYỄN VĂN L1**, sinh năm 1958;

Hộ khẩu thường trú: 1844/10/12 đường V, phường M1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Chỗ ở hiện nay: Phòng trọ số 3 - số 3 – 151/2/5A đường X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2021, các lần làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn L1 tự nguyện sống chung vào năm 2006, không tổ chức lễ cưới nhưng được hai bên gia đình đồng ý. Đến năm 2019

mới đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 63 do Ủy ban nhân dân Phường M1, thành phố V cấp ngày 29/5/2019.

Bà L và ông L1 chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà L là do ông L1 thay đổi tính tình, thường xuyên ghen tuông nên vô cớ chửi bới bà L. Do vợ chồng sống chung tại nhà của mẹ ruột bà L, việc ông L1 chửi bới bà L hằng ngày làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của mẹ bà L và các con rất nhiều. Bà L đã khuyên nhủ nhưng ông L1 không thay đổi nên bà L đề nghị ông L1 chuyển ra ngoài sống. Từ tháng 9/2021, ông L1 đã chuyển ra ngoài sống và vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, ông L1 và bà L có gặp nhau nhưng không bàn chuyện hàn gắn tình cảm. Bà L xác định cả hai không còn tình cảm, hoàn toàn không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng nên không thể hàn gắn. Vì vậy, bà L yêu cầu ly hôn với ông L1.

Về con chung: Quá trình chung sống có 03 (ba) con chung là Nguyễn Giang T, sinh ngày 26/5/2007; Nguyễn Thanh H, sinh năm 03/7/2011 và Nguyễn Giang Hà T1, sinh ngày 02/7/2017. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, bà L là người trực tiếp và tự lực trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung. Dựa trên nguyện vọng của các con, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 (ba) con chung. Bà L không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/12/2021, bị đơn ông Nguyễn Văn L1 trình bày:

Ông L1 và bà L chung sống với nhau từ năm 2006. Ông L1 phát hiện bà L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, bà L và ông L1 đã ly thân nhau, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, ông L1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Quá trình chung sống có 03 (ba) con chung là Nguyễn Giang T, sinh ngày 26/5/2007; Nguyễn Thanh H, sinh năm 03/7/2011 và Nguyễn Giang Hà T1, sinh ngày 02/7/2017. Ông L1 đồng ý để bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 (ba) con chung. Ông L1 không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L1 xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông L1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử.

Biên bản xác minh ngày 03/3/2022 tại Tổ 2, khu phố C, phường M, thành phố V xác định: Bà Nguyễn Thị Kim L cùng 03 (ba) con sống chung với gia đình tại số nhà 250/1 đường L, Phường B, thành phố V. Ông L1 không sống chung cùng bà L tại đây nên tổ dân phố không biết và không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng bà L. Ba người con của bà L hiện đang đi học và rất ngoan ngoãn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa xác định, bà L và ông L1 chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M1, thành phố V. Bà L yêu cầu ly hôn với ông L1, ông L1 đồng ý ly hôn. Xét hôn nhân giữa bà L và ông L1 không còn tồn tại về mặt thực tế, mỗi người sống một nơi, mối quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị tuyên cho bà L được ly hôn ông L1.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung là Nguyễn Giang T, sinh ngày 26/5/2007; Nguyễn Thanh H, sinh năm 03/7/2011 và Nguyễn Giang Hà T1, sinh ngày 02/7/2017. Con chung đang sống cùng bà L và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 (ba) con chung. Xét yêu cầu của bà L có căn cứ pháp luật để xem xét: do bà có đủ điều kiện để nuôi con, yêu cầu của bà phù hợp với nguyện vọng của 03 (ba) con chung cũng như thống nhất với ý kiến của ông L1 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu yêu cầu của bà L về việc được trực tiếp nuôi con chung. Bà L và ông L1 không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên không đề nghị thêm.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tổ tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý:

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn L1 chung sống có đăng ký kết hôn. Bà L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L1. Ông L1 có nơi cư trú tại thành phố V. Vì vậy xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về “Tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn L1 đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt ông L1 theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn L1 chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63 do Ủy ban nhân dân Phường M1, thành phố V cấp ngày 29/5/2019, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà L và ông L1 đều xác định vợ chồng có những mâu thuẫn không thể hàn gắn, khắc phục được do không còn tin tưởng, không còn tình cảm với nhau. Đã có một thời gian dài vợ chồng sống ly thân, đến nay cả hai xác

định hôn nhân không thể cứu vãn nên bà L yêu cầu ly hôn và ông L1 đồng ý. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng để ông L1 đến Tòa án làm việc nhưng ông L1 từ chối tham gia và yêu cầu giải quyết vắng mặt. Việc ông L1 không có mặt ở bất cứ giai đoạn tố tụng nào để có thể tranh thủ sự hòa giải của Tòa án cũng thể hiện rõ ông L1 không có thiện chí, khát khao hàn gắn. Tại phiên Tòa, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Đối chiếu quy định trên thì thấy mâu thuẫn của bà L và ông L1 đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài do không duy trì được mục đích, lý do, ý nghĩa đề tồn tại của đời sống hôn nhân. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn L1 có 03 (ba) con chung là Nguyễn Giang T, sinh ngày 26/5/2007; Nguyễn Thanh H, sinh năm 03/7/2011 và Nguyễn Giang Hà T1, sinh ngày 02/7/2017. Ba con chung đang sống cùng bà L phát triển ổn định. Bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi ba con chung. Xét bà L có đủ điều kiện để nuôi con, yêu cầu được nuôi con của bà L phù hợp với nguyện vọng của ba con chung cũng như ý kiến thống nhất của ông L1, nên giao cháu Nguyễn Giang T, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Giang Hà T1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L và ông L1 không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L ly hôn với ông Nguyễn Văn L1.

2. Về con chung: Là Nguyễn Giang T, sinh ngày 26/5/2007; Nguyễn Thanh H, sinh năm 03/7/2011 và Nguyễn Giang Hà T1, sinh ngày 02/7/2017. Giao cháu Nguyễn Giang T, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Giang Hà T1 cho bà Nguyễn Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét về cấp dưỡng nuôi con vì không ai có ý kiến, yêu cầu.

Quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí **số 0001419 ngày 15/11/2021** của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V. Như vậy, bà L đã thi hành xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm; Bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố V;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thành phố V;
- UBND phường M1, tp. V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Huyền

